

KT3-00194BTP0

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/01/2020

Page 01/04

1. Tên mẫu : ĐƯỜNG TINH LUYỆN (THÁI LAN)
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description
Mẫu đựng trong túi nhựa, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in plastic bag, without label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 14/01/2020
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 14/01/2020 – 17/01/2020
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA ĐỒNG NAI
Customer
KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02-04/04
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

7. Kết quả thử nghiệm

Test results



Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan/ Sensory test	QTTN/KT3 234 : 2019	-	
- Trạng thái/ State - Màu sắc / Colour - Mùi vị / Odour & taste			Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, toi khô, không vón cục/ White crystals, equal size, dry, no curdle Tinh thể màu trắng óng ánh, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong suốt/ White crystals, clear solution when add water Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ/ Crystal sugar or solution of sugar in water have sweet taste, free from foreign odor & taste
7.2. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % Sucrose content (m/m)	GS1/2/3/9-1 (2011) ICUMSA	-	99,9
7.3. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % Reducing sugars content (m/m)	GS 2/3/9-5 (2011) ICUMSA	-	$1,20 \times 10^{-2}$
7.4. Độ ẩm tính theo khối lượng, % Moisture content (m/m)	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	$1,60 \times 10^{-2}$
7.5. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % Conductivity ash content (m/m)	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA	-	$2,00 \times 10^{-3}$
7.6. Độ màu ICUMSA, IU Color	TCVN 6333 : 2010	-	18,5

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.7. Hàm lượng chì, Lead content	mg/kg QTTN/KT3 196 : 2018 (Ref: AOAC 2016 (2013.06))	$6,00 \times 10^{-3}$	Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng thủy ngân, Mercury content	mg/kg QTTN/KT3 064 : 2016	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	mg/kg AOAC 2016 (2013.06)	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng asen tổng số, Total arsenic content	mg/kg TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng aflatoxin B1, Aflatoxin B1 content	µg/kg AOAC 2016 (991.31)	0,25	Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng aflatoxin, Aflatoxin content	µg/kg AOAC 2016 (991.31)		
• B1		0,25	Không phát hiện Not detected
• B2		0,10	Không phát hiện Not detected
• G1		0,25	Không phát hiện Not detected
• G2		0,10	Không phát hiện Not detected
7.13. Năng lượng/ Calories	QTTN/ KT3 024 : 2018	-	
• kcal/100 g			400
7.14. Hàm lượng carbohydrate, Carbohydrate content	g/100 g U.S. FDA 21 CFR 101.9	-	100
7.15. Hàm lượng béo, Fat content	g/100 g QTTN/KT3 139 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/7 (p.214)- 1986) (Có thủy phân)	0,1	Không phát hiện Not detected
7.16. Hàm lượng protein, Protein content	g/100 g QTTN/KT3 140 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/7 (p.221)- 1986) Kjeldahl method	0,1	Không phát hiện Not detected



7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.17. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g <i>Total aerobic plate count</i>	AOAC 2016 (2015.13)	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.18. Tổng số nấm men, CFU/g <i>Total yeasts</i>	AOAC 2016 (2014.05)	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.19. Tổng số nấm mốc, CFU/g <i>Total moulds</i>	AOAC 2016 (2014.05)	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) <i>Less than</i>
7.20. Phát hiện DNA thực vật dựa trên gen trnL <i>Detection of plant - derived based on trnL gene</i>	QTTN/KT3 133 : 2016 Real time PCR	10 copies	Không phát hiện <i>Not detected</i>

Ghi chú/Notice: Hàm lượng protein/ *Protein* = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ *Nitrogen*

(*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.*

QUATEST 3®



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam

Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274

Tel: (84-251) 383 6212

Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012

Fax: (84-251) 383 6298

Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn

E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn